TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

Bản án số: 33 /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 4 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Thiện.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Múth So Ny

2. Ông Lê Văn Hoàng

- Thư ký phiên tòa*:* ông Nguyễn Văn Thành **-** Là Thư ký củaTòa án nhân dân thi xã Tinh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên tham gia phiên tòa: bà Bùi Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2023 về *"Tranh chấp về hôn nhân gia đình, ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 19/3/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05/4/2024,giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Mai T, sinh năm 1993; nơi cư trú: số nhà A đường M, tổ C, khóm B, phường C, thị xã T, tỉnh An Giang - có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2.Bị đơn: ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1988; nơi cư trú: số nhà E đường M, tổ C, khóm B, phường C, thị xã T, tỉnh An Giang - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 08 tháng 5 năm 2023 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mai T trình bày:

Bà và ông N tự nguyện đi đến hôn nhân và chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn ngày 15/7/2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) Chi Lăng, thị xã T. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2015 thì cuộc sống không còn hạnh phúc nữa; nguyên nhân ông N không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc gia đình, từ đó phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà T đã cố gắng chịu đựng nhằm duy trì cuộc hôn nhân, nhưng không thành và cả hai đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Trong thời gian ly thân, hai người không tạo được cơ hội để hàn gắn đoàn tụ. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, nên bà T yêu cầu ly hôn với ông N.

Bà T và ông N có 02 con chung tên: Nguyễn Trọng T1, sinh ngày 11/4/2012 và Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 10/6/2013, hiện do bà T nuôi dưỡng. Ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có , không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn N được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không gửi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đến Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tịnh Biên tỉnh An Giang phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, tổ chức hòa giải, thu thập chứng cứ đúng quy định.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, tiến hành phiên tòa sơ thẩm đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án, Thư ký ghi biên bản phiên tòa đúng chức năng nhiệm vụ.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định tại các Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

+ Về con chung: giao 2 cháu Nguyễn Trọng T1, sinh ngày 11/4/2012 và Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 10/6/2013 cho bà T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dạy. Ông N không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không có yêu cầu

+ Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Bà T có yêu cầu xin ly hôn với ông N hiện có nơi cư trú tại phường C, thị xã T, tỉnh An Giang. Nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên, theo qui định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông N được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về nội dung

[3].Quan hệ hôn nhân:

Bà T và ông N tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 15/7/2011 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện T (nay là phường C, thị xã T), tỉnh An Giang. Do vậy, đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Theo bà T thì cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh từ năm 2015; nguyên nhân do ông N không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, mặc dù bà T đã cố gắng chịu đựng để duy trì hạnh phúc gia đình nhưng không thành, dẫn đến hai người sống ly thân từ năm 2015; trong thời gian sống ly thân cả hai không tạo được cơ hội để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ. Do không thể tiếp tục chung sống, nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông N.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì "Vợ, chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình". Theo xác minh thì được biết sau khi kết hôn thì hai người chung sống tại tổ C, khóm B phường C. Về mâu thuẫn vợ chồng thế nào thì không rõ, nhưng năm 2015 thì ông N trở về nhà của cha mẹ ông tại đường nhà thờ, tổ 01 B, khóm B phường C sinh sống cho đến nay. Như vậy, nguyên

nhân dẫn đến mâu thuẫn là do hai người không có cùng quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và từ mâu thuẫn nên hai người đã sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân cả hai không tạo được cơ hội để hàn gắn đoàn tụ, từ đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, nếu có duy trì để tiếp tục chung sống thì cũng không có hạnh phúc, do đó yêu cầu của bà T được ly hôn với ông Nghĩa l có cơ sở chấp nhận.

[4]. Về con chung:

Bà T và ông N có 02 con chung tên: Nguyễn Trọng T1, sinh ngày 11/4/2012 và Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 10/6/2013, hiện do bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 16/11/2023 thì cháu V và cháu T1 cùng có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với mẹ là bà T. Để đảm bảo sự phát triển tâm lý bình thường của đứa trẻ, và theo nguyện vọng của cháu, nên giao cho bà T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trọng T1, sinh ngày 11/4/2012 và Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 10/6/2013 là phù hợp.

Việc nuôi dạy con không cố định, vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

Bà T không yêu cầu ông N phải cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

[5].Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập.

[6]. Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[7].Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà T khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo mức án phí không giá ngạch, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông N không phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban T.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị Mai T được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

Về con chung: bà Nguyễn Thị Mai T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Trọng T1, sinh ngày 11/4/2012 và Nguyễn Thị Thảo V, sinh ngày 10/6/2013. Ông Nguyễn Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về án phí: bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số TU/2022 0009105, ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Văn N không phải chịu tiền tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo Bản án là 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND thị xã Tịnh Biên;
- THADS thị xã Tịnh Biên;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thiện